

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 879/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 17 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển
giai đoạn 2021-2025 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai

CÔNG TY TNHH MTV
Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Gia Lai

Số: 894
ĐẾN Ngày: 20/12/2021
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn,
tài sản tại doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về giám sát đầu tư vốn vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh
giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà
nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày
13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp
và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm
2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm
hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ
thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm
2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử
dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08
tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 – 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 4141/STC-TH ngày 10/12/2021 về việc giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai.

Điều 2.

1. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai có trách nhiệm tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch được phê duyệt theo đúng quy định; định kỳ tổng hợp báo cáo gửi về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện theo quy định.

Công ty tự chịu trách nhiệm về huy động các nguồn vốn thực hiện đầu tư các dự án theo quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.


Hàng năm, căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm hiện tại, các quy định và các chỉ đạo có liên quan của Trung ương, của tỉnh để xây dựng Kế hoạch năm tiếp theo trình UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính thẩm định) phê duyệt.

2. Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ và các sở,

ngành, đơn vị, địa phương liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2021- 2025 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai theo quy định. Định kỳ Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2021- 2025 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Phước Thành



KẾ HOẠCH

Sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai
(Kèm theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh
Gia Lai)

I. Tổng quan về Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Gia Lai:

1. Thông tin chủ yếu

1.1. Việc thành lập

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai là doanh nghiệp hoạt động công ích do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trực thuộc UBND tỉnh Gia Lai, được thành lập lại theo Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 11/8/2010 của UBND tỉnh Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900182143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 17/11/2010 và đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 04/03/2019.

Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, được cấp vốn, vay vốn và mở tài khoản ngân hàng, kho bạc để hoạt động theo quy định của Nhà nước.

Là doanh nghiệp hạng II từ ngày 16/4/2014.

1.2. Vốn điều lệ: **2.755.602.772.528 đồng** (Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh).

1.3. Địa điểm, trụ sở Công ty.

- Địa điểm trụ sở chính tại số 97A đường Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Điện thoại số: 0269.3824227, Fax: 0269.3824227.

- Website: <http://congtykhaithacgialai.vn/>

1.4. Mô hình tổ chức bộ máy Công ty:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty; 01 Kiểm soát viên; 03 Phó Giám đốc; 01 Kế toán trưởng.

- Bộ máy tổ chức bao gồm 5 phòng chuyên môn và 8 đơn vị trực thuộc đóng chân trên địa bàn các huyện trong tỉnh.

2. Chức năng nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty.

Quản lý, khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật và các ngành nghề khác theo giấy phép đăng ký kinh doanh và điều lệ của công ty.

2.2. Mục tiêu hoạt động:

- Phục vụ công ích, quản lý, khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu công ty, hoàn thành các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Thực hiện nghĩa vụ Nhà nước và đảm bảo lợi ích hợp pháp của Người lao động.

- Chủ đầu tư các dự án: Đầu tư, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các hệ thống công trình do công ty quản lý và các công trình khác do cấp trên giao.

2.3. Ngành, nghề sản xuất kinh doanh:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

- Xây dựng công trình cấp, thoát nước.

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

- Dịch vụ đặt chỗ và hỗ trợ các dịch vụ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp.

- Sản xuất điện.

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.

2.4. Quy chế hoạt động: Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật; Điều lệ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 và các nội quy, quy chế được thông qua tại Hội nghị người lao động hàng năm.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giai đoạn 2021 - 2025

1.1. Mục tiêu tổng quát.

- Tiếp tục ổn định và phát triển bền vững, xác định nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty là quản lý khai thác công trình thủy lợi có hiệu quả với mục tiêu đảm bảo cung ứng nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của nhân dân. Quản lý, vận hành đảm bảo an toàn công trình, chống xuống cấp, ngăn chặn tình trạng xâm lấn hàng lang, chi giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và các xâm hại khác. Đẩy mạnh đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi nhằm sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước.

- Đẩy mạnh kinh doanh đa mục tiêu hệ thống các công trình thủy lợi: Phát triển sử dụng mặt thoáng hồ chứa khai thác thủy sản, phát triển du lịch, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp...

- Thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh, Công ty tiếp nhận các công trình thủy lợi được giao. Khi có quyết định phân cấp quản lý, các công trình

thủy lợi sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ chuyển giao cho đơn vị quản lý khai thác theo quy định phân cấp được ban hành.

- Phát triển hoạt động lắp đặt, mở rộng và hệ thống cấp nước sinh hoạt theo công suất thiết kế đáp ứng nhu cầu dân sinh trên địa bàn huyện Phú Thiện và Ia Pa.

- Chủ động trong công tác ứng phó với thiên tai hàng năm.

- Nâng cao nghiệp vụ quản lý tài chính, quản lý kinh doanh và chất lượng sản phẩm dịch vụ cung ứng thông qua xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

- Xây dựng công ty vững mạnh về tổ chức, phát huy mọi nguồn lực để thúc đẩy tối đa năng lực sản xuất kinh doanh và không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

1.2. Các mục tiêu cụ thể.

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ đa ngành nghề, trong đó ngành nghề chính là dịch vụ cung ứng nước tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh, các ngành nghề kinh doanh khác; lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt và cấp nước sinh hoạt bổ sung hoạt động (tư vấn giám sát, thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng).

- Về mở rộng quy mô quản lý công trình từ 11/17 huyện thị lên quản lý các công trình thủy lợi vừa và lớn trên địa bàn 17 huyện, thị, thành phố tỉnh Gia Lai; Giữ nguyên doanh nghiệp hạng II và nâng doanh nghiệp hạng I vào năm 2023.

- Thiết lập:

(1) Cơ cấu tổ chức hợp lý; cơ chế phối hợp hoạt động giữa các đơn vị trực thuộc và cá nhân trong Công ty.

(2) Cơ cấu nguồn nhân lực đủ mạnh về số lượng và trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

(3) Cơ cấu tài chính mạnh, tăng doanh thu, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả nguồn hỗ trợ kinh phí từ ngân sách.

(4) Cơ chế quản lý tài sản Nhà nước giao tốt nhất, hạn chế hư hỏng, xuống cấp đến mức thấp nhất hệ thống công trình thủy lợi, phát huy tối đa năng lực phục vụ, hiệu quả khai thác.

(5) Cơ chế, chính sách đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất, tạo động lực khuyến khích, thu hút người lao động có năng lực, trình độ chuyên môn, nâng cao hiệu suất chất lượng công việc.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
I	Kế hoạch tưới, tiêu và cấp nước							
1	Diện tích tưới, tiêu	Ha/năm	28.796,233	29.300,936	32.836,936	33.106,936	33.441,936	157.482,977
-	Được hỗ trợ	Ha/năm	28.429,903	28.878,939	32.414,939	32.684,939	33.019,939	155.428,659
-	Phải thu	Ha/năm	366,330	421,997	421,997	421,997	421,997	2.054,318
2	Sản lượng nước tiêu thụ (hoạt động cung cấp nước sạch)	M ³	410.000	600.000	720.000	864.000	992.800	3.586.800
II	Kế hoạch doanh thu	Tr.đồng	49.500	49.592	65.953	66.204	67.655	298.904
1	Hoạt động khai thác CTTL	Tr.đồng	36.109	36.247	46.964	47.498	48.167	214.985
a	Doanh thu công ích thủy lợi	Tr.đồng	30.145	30.595	41.029	41.267	41.624	184.660
b	Doanh thu thủy lợi khác	Tr.đồng	5.964	5.652	5.935	6.231	6.543	30.325
2	Hoạt động cung cấp nước sạch	Tr.đồng	3.400	4.645	5.609	6.731	7.578	27.963
a	Doanh thu cấp nước sạch	Tr.đồng	2.800	3.945	4.734	5.681	6.528	23.688
b	Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước	Tr.đồng	600	700	875	1.050	1.050	4.275
3	Hoạt động tài chính và khác	Tr.đồng	9.991	8.700	13.380	11.975	11.910	55.956
a	Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	Tr.đồng	1.000	300	50	50	50	1.450
b	Doanh thu hỗ trợ từ NSNN	Tr.đồng	8.991	8.400	13.330	11.925	11.860	54.506
III	Kế hoạch chi	Tr.đồng	49.500	49.592	65.953	66.204	67.655	298.904
1	Hoạt động khai thác CTTL	Tr.đồng	46.006	44.647	60.344	59.473	60.077	270.547
2	Hoạt động cấp nước sạch	Tr.đồng	3.494	4.945	5.609	6.731	7.578	28.357
IV	Kế hoạch nộp ngân sách	Tr.đồng	800	900	980	1.070	1.138	4.888
V	Kế hoạch NSNN cấp hỗ trợ (dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tài chính khác)	Tr.đồng	42.410	38.612	53.899	52.732	53.024	240.677
1	Cấp hỗ trợ tiền SPDV công ích thủy lợi	Tr.đồng	30.789	30.212	40.569	40.807	41.164	183.541

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
2	Hỗ trợ rà soát và xây dựng định mức KTKT	Tr.đồng	1.646	-	-	-	-	1.646
3	Cấp hỗ trợ kinh phí bảo trì	Tr.đồng	5.845	6.900	6.105	6.175	6.260	31.285
4	Cấp hỗ trợ việc thực hiện một số công việc theo Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ	Tr.đồng	1.500	1.500	7.225	5.750	5.600	21.575
5	Cấp hỗ trợ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	2.630	-	-	-	-	2.630
VI	Kế hoạch lao động	Người	300	314	370	375	381	
1	Người quản lý	Người	6	6	6	6	6	
2	Người lao động	Người	294	308	364	369	375	

2.2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

a) Kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định từ nguồn vốn kinh doanh của công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	Giá trị	Năm thực hiện
1	Nhà nghỉ chân đầu mối khu du lịch hồ chứa nước Ayun Hạ	Cái	01	300	2021
2	Mua xe ô tô bán tải phục vụ công tác	Xe	01	800	2021
3	Mua xe ô tô tải phục vụ công tác	Xe	01	800	2022
4	Lắp đặt hệ thống họp trực tuyến			445	2022
5	Sửa chữa cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Văn phòng Công ty	Cái	01	2.000	2023
6	Sửa chữa cải tạo, nâng cấp nhà làm việc xí nghiệp Chư Păh – Ia Grai	Cái	01	500	2024
7	Xây nhà làm việc nhà máy nước Ayun Hạ	Cái	01	1.500	2024
	Tổng cộng			6.345	

b) Kế hoạch đầu tư xây dựng công trình (từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương, địa phương và vốn vay ADB):

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư dự kiến	Năm thực hiện	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Hồ chứa nước Ia Prat	Huyện Chư Păh	220ha (120ha lúa 2 vụ; 100ha cây công nghiệp)	100.000	2021 - 2024	Nguồn vốn Ngân sách Trung ương	- Nghị quyết số 312/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư dự án Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khroi, huyện Chư Păh; - Quyết định số 164/QĐ- UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ứng trước dự toán ngân sách tỉnh để triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới năm 2021; - Nghị quyết 48/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2021 (đợt 3) và cho ý kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2021
2	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu (ADB9)	Huyện Phú Thiện, Ia Pa, Krông Pa và Thị xã Ayun Pa	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu	446.131	2021 - 2026	Nguồn vốn vay ADB và đối ứng Ngân sách địa phương	- Văn bản số 148/TTg-QHQT ngày 02/02/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề xuất dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu; - Văn bản số 2255/UBND-NL ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về đề xuất chủ đầu tư dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu; - Tờ trình số 976/TTr-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" vốn vay ADB - Dự án thành phần Gia Lai
Tổng cộng				546.131			

c) Kế hoạch thực hiện một số nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng
1	Lập, điều chỉnh quy trình vận hành			2.200	1.600		3.800
2	Lập quy trình bảo trì	2.616					2.616
3	Kiểm định an toàn đập			650	900		1.550
4	Cắm mốc chỉ giới bảo vệ đập, hồ chứa	1.384	2.500	1.500			5.384

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng
5	Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp			3.500	1.000	2.000	6.500
6	Lắp đặt thiết bị quan trắc			700	1.400	900	3.000
7	Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du			5.900	6.600	8.300	20.800
	Tổng cộng	4.000	2.500	14.450	11.500	11.200	43.650
	Trong đó:						
	<i>Kinh phí QLKT</i>	<i>2.500</i>	<i>1.000</i>	<i>7.225</i>	<i>5.750</i>	<i>5.600</i>	<i>22.075</i>
	<i>Kinh phí đề nghị NSNN cấp</i>	<i>1.500</i>	<i>1.500</i>	<i>7.225</i>	<i>5.750</i>	<i>5.600</i>	<i>21.575</i>

Đối với các nội dung chi về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo Nghị định 114/2018/NĐ-CP được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi. Trong trường hợp nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi không đảm bảo, chủ sở hữu công trình thủy lợi quyết định sử dụng nguồn ngân sách địa phương (căn cứ vào khả năng ngân sách từng cấp hàng năm) và các nguồn huy động hợp pháp khác để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

d) Kế hoạch bảo trì công trình (nguồn vốn hoạt động quản lý khai thác và ngân sách địa phương hỗ trợ):

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
1	Cân đối từ nguồn hoạt động QLKT	1.800	2.452	6.105	6.175	6.260
2	Đề nghị ngân sách cấp bổ sung	5.845	6.900	6.105	6.175	6.260
	Tổng cộng	7.645	9.352	12.210	12.350	12.520

e) Kế hoạch sửa chữa nâng cấp công trình giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Gia Lai):

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian dự kiến thực hiện	Quyết định phê duyệt
1	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh Đông và Tây đường Hồ chứa nước Ia Glai	Huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Gia Lai	88.500	2021-2025	QĐ số 1010/QĐ-UBND ngày 02/10/2018
2	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh tưới cánh đồng đập dâng Ia Lâu, Ia Lốp	Huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Gia Lai	61.392	2021-2025	QĐ số 1037/QĐ-UBND ngày 12/10/2018

TT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian dự kiến thực hiện	Quyết định phê duyệt
3	Sửa chữa nâng cấp hoàn thiện hệ thống thủy lợi An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (<i>Hệ thống dẫn nước từ hồ Tân Sơn về An Phú</i>)	TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Gia Lai	160.000	2021-2025	QĐ số 1038/QĐ-UBND ngày 12/10/2018
	Cộng			309.892		

Các dự án trên sẽ triển khai sau khi Chính phủ cấp bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Gia Lai theo đề nghị của UBND tỉnh tại văn bản số 2385/UBND-KTTH ngày 25/10/2018.

3. Các giải pháp thực hiện:

3.1. Giải pháp về quản trị:

- Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, hoàn thiện và thực hiện tốt Điều lệ, quy chế quản trị Công ty.

- Hoàn chỉnh các quy chế hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát nội bộ; hoàn chỉnh hệ thống điều hành công việc thông qua trang mạng của Công ty để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành công việc.

3.2. Giải pháp về cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự:

- Thực hiện đào tạo và đào tạo lại thường xuyên đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành và thị trường.

- Hoàn chỉnh, duy trì bộ máy tổ chức theo Điều lệ được phê duyệt; làm tốt công tác cán bộ để đảm bảo thống nhất và ổn định; Thực hiện sắp xếp lại mô hình sản xuất đảm bảo tinh gọn và chuyên sâu về chuyên môn.

- Xây dựng hệ thống thang, bảng lương, quy chế thưởng, phúc lợi... trên nguyên tắc công khai, minh bạch. Trả lương theo vị trí, chức danh, đúng người, đúng việc, tạo động lực cho người lao động. Căn cứ vào năng lực thực tế, vị trí công việc, hiệu quả công việc của mỗi cá nhân người lao động để có chế độ đãi ngộ thích hợp.

- Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá, phân tích hiệu quả công việc từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc cũng như từng nhân viên để đánh giá chính xác, khách quan hiệu quả công việc đồng thời thấy điểm mạnh, điểm yếu của từng cán bộ nhân viên.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện. Tăng cường công tác quản trị nhân lực nhằm phát huy năng lực, tạo việc làm thường xuyên bảo đảm nguồn thu nhập ổn định cho người lao động.

3.3. Giải pháp về sản xuất kinh doanh:

- Tiếp nhận bàn giao các công trình theo quyết định của chủ sở hữu. Ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực quản lý khai thác công trình thủy lợi tiết kiệm chi phí, nguồn nước; nâng cao hiệu quả hoạt động tưới tiêu, cấp nước.

- Rà soát, đánh giá cụ thể nội dung, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để tập trung ưu tiên vào nhiệm vụ chính. Bên cạnh đó triển khai kinh doanh đa ngành nghề, tích cực tìm kiếm việc làm, phát huy thế mạnh của Công ty trên lĩnh vực có thế mạnh và có xu hướng phát triển trong thời gian đến.

- Đẩy mạnh phát huy hiệu quả khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, tập trung vào lĩnh vực: Khai thác mặt thoáng, phát triển du lịch, khai thác thủy sản, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, kết hợp phát điện....

- Phát triển hoạt động xây dựng: Tư vấn thiết kế, quản lý dự án, giám sát thi công công trình thủy lợi.

3.4. Giải pháp về công nghệ kỹ thuật trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi:

- Thực hiện cập nhật thường xuyên thông tin về công nghệ và kỹ thuật mới trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi; ứng dụng nghiên cứu xử lý vấn đề khoa học liên quan để vận hành và quản lý công trình khoa học (công nghệ giám sát hồ chứa tự động).

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ công trình; đặc biệt chú trọng công tác bảo trì nhằm hạn chế thấp nhất mức hư hỏng, xuống cấp, tăng tuổi thọ công trình.

- Duy trì công tác phát dọn toàn bộ hệ thống để công trình luôn trong trạng thái tốt nhất nhằm phục vụ tưới, tiêu, cấp nước, đảm bảo an toàn. Tăng cường kiểm tra thiết bị vận hành đóng mở, thực hiện nạo vét, khai thông duy trì dòng chảy, xử lý rò rỉ, thất thoát nước. Phân tích, đánh giá khả năng nguồn nước thực hiện các giải pháp cân đối, điều tiết nước hợp lý.

- Duy trì công tác quan trắc, báo cáo theo quy định. Xây dựng chương trình tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực của người lao động trong hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Chủ động, tích cực huy động nhiều nguồn vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi nhằm mở rộng khu tưới, nâng cao năng lực tưới cho các công trình thủy lợi trong điều kiện biến đổi khí hậu.

3.5. Giải pháp về tài chính:

- Chấn chỉnh từng bước về quản lý tài chính doanh nghiệp, thực hiện tiết kiệm chi phí, ban hành và thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về quản lý sử dụng văn phòng phẩm và trang bị hành chính.

- Kịp thời lập kế hoạch hỗ trợ từ ngân sách để đảm bảo hoạt động của công ty nhằm đảm nhận nhiệm vụ công ích quản lý, bảo vệ, cung ứng dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước... phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý nợ, trích lập dự phòng các khoản...theo quy định của Nhà nước đảm bảo nguồn vốn để Công ty duy trì ổn định.

- Tính toán hiệu quả của từng công việc, dự án để điều chỉnh kịp thời việc đầu tư, kinh doanh đảm bảo hiệu quả tốt nhất; cân đối dòng tiền đảm bảo chủ động tránh được rủi ro khi có biến động thị trường./.